



BIMICO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

❖ Đại lộ Bình Dương, Kp Hòa Lân I, P. Thuận Giao, TX. Thuận An, T. Bình Dương

☎ 0274.3822.602

☎ 0274.3823922

☎ 3700148825

✉ info@bimico.com.vn

www.bimico.com.vn

Thuận An, ngày 20 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO

THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

A. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**
- Tên tiếng Anh: **Binh Duong Mineral and Construction Joint Stock Company**
- Viết tắt : **BIMICO**
- Trụ sở chính : Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khu phố Hoà Lân I, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84.0274)3822.602
- Fax : (84.0274)3823.922
- Email : info@bimico.com.vn
- Website : www.bimico.com.vn

2. Đăng ký kinh doanh:

- Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương – Phòng Đăng ký kinh doanh cấp ngày 27/04/2006 và được bổ sung thay đổi nhiều lần. Lần gần nhất (Lần thứ 14) là ngày 16/08/2017.
- Mã số doanh nghiệp : 3700148825 - Bình Dương.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (Gạch, Cống bê tông,..).
- Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, xử lý nước thải.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai.
- Cung cấp dịch vụ khác.

4. Quá trình hình thành và phát triển:

- Thành lập ngày 13/01/1993.
- Chuyển hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/05/2006.
- Công ty đại chúng từ tháng 07 năm 2007.
- Niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM ngày 20/01/2010.

- Mã chứng khoán: **KSB**

5. Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2017: 468.000.000.000 đ

6. Cơ cấu cổ đông: Chốt đến ngày 19/03/2018, cơ cấu cổ đông như sau:

Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1- Cổ đông trong nước	1.997	44.361.660	94,79
1.1- Cá nhân	1.967	30.336.780	64,82
1.2- Tổ chức	30	14.024.880	29,97
2- Cổ đông nước ngoài	54	2.438.340	5,21
2.1- Cá nhân	33	161.952	0,35
2.2- Tổ chức	21	2.276.388	4,86
Tổng cộng	2.051	46.800.000	100
- Cá nhân	2000	30.498.732	65,17
- Tổ chức	51	16.301.268	34,83

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Ban điều hành : 07 người

- Tổng Giám đốc (Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm) : 01 người

- Phó Tổng Giám đốc : 06 người

7.2. Phòng, ban nghiệp vụ : 06 phòng, 03 ban

7.3. Các xí nghiệp trực thuộc : 11 đơn vị

7.4. Lao động năm 2017:

- Tổng số lao động đầu năm : 512 người

- Lao động tăng trong năm : 45 người

- Lao động giảm trong năm : 42 người

- Tổng số lao động đến 31/12/2017 : 515 người, trong đó:

+ Công ty KSB : 466 người

+ Công ty KSB IDC : 49 người

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2017

I. CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG:

Stt	Lĩnh vực SX/ cơ cấu sản phẩm	Đvt	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh thực hiện 2017 với	
					KH 2017	TH 2016
I	Khai thác, CB Khoáng sản					
1	Đá xây dựng					
1.1	Khai thác đá học	m³	4.200.000	4.245.093	101%	109%

Stt	Lĩnh vực SX/ cơ cấu sản phẩm	Đvt	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh thực hiện 2017 với	
					KH 2017	TH 2016
1.2	Chế biến đá	m ³	3.293.000	3.782.782	115%	104%
2	Cao lanh					
2.1	Khai thác cao lanh	m ³	70.000	67.781	97%	118%
2.2	Chế biến cao lanh	tấn				
	- Chế biến lọc	tấn	15.000	13.995	93%	94%
	- Chế biến nghiền (bột)	tấn	16.500	27.694	168%	187%
2.3	Cát trắng tận thu	m ³	10.000	10.490	105%	1338%
3	Khai thác cát Dầu Tiếng	m ³	100.000	48.996	49%	41%
4	Khai thác sét gạch ngói	m ³	90.000	51.287	57%	0%
II	Sản xuất vật liệu xây dựng					
1	Gạch xây dựng các loại	viên	43.200.000	43.917.697	102%	116%
2	Cống bê tông	mét	50.500	55.633	110%	99%
III	Nước tinh khiết đóng chai	lít	5.000.000	4.189.691	84%	90%
IV	Khu công nghiệp Đất Cuốc	ha	15	30,83	206%	343%

II. CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:

Đvt: Đồng

Stt	Ngành SXKD/ Cơ cấu sản phẩm	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh thực hiện 2017 với	
				KH 2017	TH 2016
I	Khai thác, CB khoáng sản	796.884.000.000	852.397.745.432	107%	114%
1	Đá xây dựng	756.595.000.000	813.649.695.756	108%	114%
2	Cao lanh	23.354.000.000	28.150.609.113	121%	170%
3	Sét gạch ngói	4.750.000.000	4.502.057.363	95%	
4	Cát xây dựng	12.185.000.000	6.095.383.200	50%	35%
II	Sản xuất VLXD	72.735.000.000	83.503.563.084	115%	124%
1	Gạch xây dựng	40.135.000.000	37.020.420.697	92%	105%
2	Cống bê tông	32.600.000.000	46.483.142.387	143%	144%
III	Nước tinh khiết, dịch vụ	8.381.000.000	6.998.595.775	84%	47%
IV	Bất động sản	137.000.000.000	149.795.058.508	109%	843%
1	Khu công nghiệp Đất Cuốc	17.000.000.000	29.795.058.508	175%	168%
2	Dự án nhà ở Bình Đức Tiến	120.000.000.000	120.000.000.000	100%	
V	DT tài chính và các hoạt động KD khác	10.000.000.000	30.086.264.492	301%	185%
	Tổng doanh thu	1.025.000.000.000	1.122.781.227.291	110%	130%

Stt	Ngành SXKD/ Cơ cấu sản phẩm	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh thực hiện 2017 với	
				KH 2017	TH 2016
VI	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	300.000.000.000	347.238.418.155	116%	134%
2	Lợi nhuận sau thuế	240.000.000.000	277.208.577.730	116%	135%

❖ **Thực hiện nộp thuế:**

Đvt : Đồng

Stt	Ngành SXKD/ Cơ cấu sản phẩm	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh thực hiện 2017 với	
				KH 2017	TH 2016
1	Thuế GTGT	57.000.000.000	73.388.828.698	129%	154%
2	Thuế TNDN	60.000.000.000	76.628.823.046	128%	146%
3	Thuế tài nguyên	54.000.000.000	52.491.428.262	97%	132%
4	Phí bảo vệ môi trường	10.000.000.000	10.525.111.586	105%	116%
5	Tiền cấp quyền KTKS	16.000.000.000	20.292.148.022	127%	47%
6	Tiền sử dụng đất, thuê đất	22.000.000.000	58.378.239.519	265%	106%
7	Các khoản thuế khác	6.000.000.000	7.568.462.696	126%	35%
Tổng cộng		225.000.000.000	299.273.041.829	133%	111%

❖ **Tổng hợp vốn và nguồn vốn:**

Đvt : Đồng

1. Tổng tài sản

1.430.530.349.688

- **Tài sản ngắn hạn**

693.264.287.788

+ Tiền và các khoản tương đương tiền

316.146.668.225

+ Các khoản phải thu ngắn hạn

237.097.315.602

+ Sản phẩm hàng hóa tồn kho

63.562.667.732

+ Tài sản ngắn hạn khác

9.475.136.229

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn

66.982.500.000

- **Tài sản dài hạn**

737.266.061.900

+ Các khoản phải thu dài hạn

19.817.602.561

+ Tài sản cố định

143.758.199.477

+ Bất động sản đầu tư

196.725.983.369

+ Tài sản dở dang dài hạn

170.198.087.963

+ Tài sản dài hạn khác

206.766.188.530

2. Tổng nguồn vốn

1.430.530.349.688

- **Nợ phải trả**

672.122.960.848

+ Nợ ngắn hạn

137.651.812.722

+ Nợ dài hạn

534.471.148.126

- Vốn chủ sở hữu	758.407.388.840
+ Vốn góp của chủ sở hữu	468.000.000.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.658.500
+ Quỹ đầu tư phát triển	45.617.301.943
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	244.788.428.397

3. Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2017 : 16.183 đ/cổ phiếu.

4. Căn cứ báo cáo các số liệu trên là:

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Kết quả kiểm kê định kỳ thời điểm 01/01/2018.

III. TÌNH HÌNH CÁC MỎ:

Các mỏ đang hoạt động đến 31/12/2017:

Stt	Tên mỏ	Diện tích (ha)	Diện tích đã đền bù ngoài mỏ (ha)	Thời hạn	Trữ lượng (m ³)	
					Cấp phép	Còn lại (Dự kiến)
A.	Các mỏ đá:				44.799.969	33.773.462
I.	Mỏ đá Tân Đông Hiệp (Giấy phép số 01/GP-UBND ngày 06/01/2016). - Đã đền bù khai thác: 22,82 ha	22,82	-	31/12/2017	4.222.111	834.035
II.	Mỏ đá Tân Mỹ (Giấy phép số 134/GP-UBND ngày 28/08/2015). - Đã đền bù khai thác: 32,18 ha. - Chưa đền bù : 8,78 ha.	40,96	9,9	28/08/2029	22.326.387	19.170.457
III.	Mỏ đá Phước Vĩnh (Giấy phép số 137/GP.UBND ngày 13/07/2017)	29,62	-	13/01/2023	10.627.089	5.144.588
IV.	Mỏ Tam lập (dự kiến): 16,3 ha gồm 15,153 ha theo ranh đất đã đền bù và 1,15 ha hành lang suối	16,3	-	-	7.624.382	7.624.382
B.	Mỏ sét Bồ Lá (Giấy phép số 162/GP-UBND ngày 29/09/2015). - Đã đền bù khai thác: 8,09 ha. - Chưa đền bù : 3,63 ha.	11,72	-	29/09/2021	1.488.532	1.436.804
C.	Mỏ cát Dầu Tiếng (Giấy phép số 10/GP-UBND ngày 10/02/2010). - Đã đền bù khai thác: 82,06 ha.	82,06	-	10/02/2020	1.003.638	334.126
D.	Các mỏ Cao lanh				9.172.101	7.793.854
I.	Mỏ cao lanh Tân Lập (Giấy phép số 2453/QĐ-ĐCKS ngày 19/10/1999). - Đã đền bù khai thác: 18,993 ha. - Chưa đền bù: 5,007 ha.	24	-	19/10/2021	1.248.016	-

Stt	Tên mỏ	Diện tích (ha)	Diện tích đã đền bù ngoài mỏ (ha)	Thời hạn	Trữ lượng (m ³)	
					Cấp phép	Còn lại (Dự kiến)
II.	Mỏ cao lanh Minh Long (Giấy phép số 386/GP-BTNMT ngày 07/03/2011). - Đã đền bù khai thác: 13,928 ha. - Chưa đền bù: 50,072 ha.	64	0,942	07/09/2038	7.924.085	7.793.854

IV. BẤT ĐỘNG SẢN:

1.1. Khu Công nghiệp Đất Cuốc: Từ ngày 23/10/2017 đã chuyển đổi thành Cty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB (Viết tắt là: KSB IDC) theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐQT – Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702613027, đăng ký lần đầu ngày 28/10/2017. Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

- Đến 31/12/2017, tổng số dự án đăng ký đầu tư vào KCN Đất Cuốc là 55 dự án. Trong đó, 16 dự án doanh nghiệp trong nước và 39 dự án của các doanh nghiệp nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật, Đài loan, Hồng Kông, Malaysia, Trung Quốc, ...) với tổng diện tích 109,62 ha. Cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Khu A	Khu B	Tổng
1	Số dự án đầu tư	Dự án	37	18	55
2	Diện tích đã cho thuê	ha	56,31	53,31	109,62
3	Tỷ lệ lấp đầy	%	90,8	78,3	84,3
4	Diện tích còn tồn		5,71	14,77	20,48

Ghi chú: Sử dụng nội bộ (đầu tư nhà máy bê tông đúc sẵn): 4,25 ha.

- **Dự án đầu tư mở rộng giai đoạn 1:** Tổng diện tích mở rộng giai đoạn 1 (cả khu A và Khu B) sau khi điều chỉnh ranh là 129,68 ha. Đến thời điểm 31/12/2017, diện tích đã đền bù là 55 ha (Trong đó năm 2017 là 31,145 ha) tương ứng số tiền: **169.845.059.246 đồng.**

- + Đền bù mở rộng diện tích : 112.125.668.375 đồng.
- + Nộp tiền thuê đất và lệ phí trước bạ : 56.337.724.352 đồng.
- + Chi phí dịch vụ : 1.381.666.519 đồng.

Diện tích còn lại chưa đền bù là: 74,68 ha.

- **Đầu tư xây dựng cơ bản, dịch vụ : 3.537.149.439 đồng**, trong đó:
 - + Máy móc, thiết bị : 598.386.000 đồng
 - + Xây dựng cơ bản : 2.938.763.439 đồng

1.2. Dự án nhà ở Bình Đức Tiên:

- Địa điểm: Khu phố Bình Đức, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, Bình Dương.
- Diện tích sử dụng : 26.745,2 m²
- Đất xây dựng nhà ở : 16.458 m²
- Số lượng căn hộ : 146 căn

Đã chuyển nhượng dự án cho Cty CP Phát Triển Bất động sản Thuận Tiên theo hợp đồng ngày 26/10/2017 với tổng giá trị: **120.000.000.000 đồng**.

V. TÌNH HÌNH ĐẤT ĐAI:

Tính đến 31/12/2017 tổng quỹ đất của toàn Công ty là: 4.696.700 m² (gần 470 ha), cụ thể tại các đơn vị đang quản lý và sử dụng như sau:

Stt	Đơn vị quản lý và sử dụng	Diện tích (ha)
1	Xí nghiệp Tân Đông Hiệp	31,19
2	Xí nghiệp Tân Mỹ, bến thùy Tân Mỹ	44,67
3	Xí nghiệp đá Phước Vĩnh	81,05
4	Xí nghiệp cao lanh Tân Thành	22,87
5	Chi nhánh cao lanh Minh Long	14,87
6	Khai thác cát Dầu Tiếng	1,10
7	Nhà máy gạch Bình Phú và nhà ở CN	4,96
8	Khu văn phòng Công ty (gồm có XN nước, nhà hàng dịch vụ, văn phòng)	1,75
9	Khu công nghiệp Đất Cuốc	267,21
Tổng cộng toàn Công ty		469,67

VI. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Thực hiện các dự án đầu tư:

Đvt: Đồng

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện năm 2017	Giá trị chuyển tiếp năm 2018
A	Đầu tư máy móc, thiết bị, tài sản cố định	59.768.922.533	41.880.391.709	17.888.530.824
A.1	Nâng cấp tăng công suất máy số 01 tại XN đá Tân Mỹ	2.606.611.480	2.476.280.906	130.330.574
A.2	Đầu tư hệ thống máy nghiền sàng đá 350 tấn/giờ tại Phước Vĩnh	18.447.000.000	17.582.400.000	864.600.000
A.3	Đầu tư hệ thống máy nghiền sàng đá 250 tấn/giờ tại Phước Vĩnh	12.850.000.000	3.855.000.000	8.995.000.000

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện năm 2017	Giá trị chuyển tiếp năm 2018
A.4	Đầu tư HT máy nghiền đá cát tại Phước Vĩnh	21.380.483.781	13.786.434.531	7.594.049.250
	- Thiết bị xay nghiền	19.867.983.781	13.332.684.531	6.535.299.250
	- Trạm biến áp 2000 kVA	1.512.500.000	453.750.000	1.058.750.000
A.5	Tài sản cố định:	4.484.827.272	4.180.276.272	304.551.000
	- Xe ô tô phục vụ công tác, khai thác mỏ	2.814.863.636	2.814.863.636	-
	- Búa đập đá	601.363.636	601.363.636	-
	- Máy ép đùn gạch tuynel	1.068.600.000	764.049.000	304.551.000
B	Xây dựng cơ bản	6.108.326.627	5.999.599.296	108.727.331
B.1	Đổ bê tông đường giao thông nông thôn và xây dựng hệ thống thoát nước qua bến thủy tại mỏ đá Tân Mỹ	497.835.285	497.835.285	-
B.2	Thoát nước mặt đường đường ĐT746 đoạn qua bến thủy nội địa tại Tân Mỹ	381.286.783	362.222.444	19.064.339
B.3	Láng nhựa đường vào mỏ đá Phước Vĩnh	1.112.081.167	1.112.081.167	-
B.4	Thi công công tăng cường thoát nước Suối Xiệp mỏ Tân Đông Hiệp	1.761.415.414	1.761.415.414	-
B.5	Kè bê tông hai bên đường vận chuyển đá học mỏ Tân Đông Hiệp	1.793.259.846	1.703.596.854	89.662.992
B.6	Xây dựng cơ bản khác	562.448.132	562.448.132	-
	Tổng cộng	65.877.249.160	47.879.991.005	17.997.258.155

2. Khai thác khoáng sản:

- Hoàn thiện các thủ tục và được UBND Tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác mỏ đá Phước Vĩnh (Số 137/GP-UBND ngày 13/07/2017):

- + Diện tích : 29,62 ha
- + Độ sâu : Cotes -20m
- + Trữ lượng : 10.627.089 m³ nguyên khối
- + Thời gian khai thác : 5,5 năm kể từ ngày 13/07/2017.

- Sang nhượng quyền sử dụng đất cho khai thác mỏ: **3.187.668.000 đồng**

- Bóc đất tầng phủ và giải tỏa đá phong hóa : **5.813.749.159 đồng**

+ Mỏ đá Phước Vĩnh : Diện tích 23.191 m² – Khối lượng 234.506 m³

+ Mỏ sét Bó Lá : Diện tích 7.020 m² – Khối lượng 22.745 m³

+ Mỏ đá Tân Mỹ : Diện tích 34.044 m² – Khối lượng 255.027 m³

3. Các đầu tư khác:

Trong năm, theo nhu cầu sản xuất Công ty đã đầu tư sửa chữa các máy móc, thiết bị cơ giới; phương tiện vận tải với số tiền là: **6.714.853.540 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền đã đầu tư trong năm 2017 (IV + VI) là: **236.978.470.389 đồng**

Các hoạt động về đầu tư thực hiện theo kế hoạch năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc tổ chức quản lý hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và đưa vào sử dụng mang lại hiệu quả.

Các khoản đầu tư được sử dụng bằng nguồn quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

VII. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT:

- Đã rà soát và điều chỉnh kịp thời các định mức kinh tế kỹ thuật. Ban hành, sửa đổi một số quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.
- Chấp hành và tuân thủ các quy định của pháp luật trong SXKD. Bảo đảm an toàn lao động, hạn chế thấp nhất các ảnh hưởng đến môi trường.
- Tăng quyền chủ động cho các Xí nghiệp trong điều hành SXKD. Năm 2017 thực hiện khoán sâu cho Xí nghiệp đá Phước Vĩnh (khoán sản lượng, doanh thu, lợi nhuận).
- Giảm bớt các thủ tục hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
- Các dự án đầu tư sau khi nghiệm thu đưa vào sử dụng đều phát huy hiệu quả tốt.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới để tăng hiệu quả cho Công ty.
- Kết quả kiểm tra, các cơ quan chức năng đã đánh giá Công ty chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật.

VIII. THỰC HIỆN NGHĨA VỤ XÃ HỘI:

Năm 2017, từ hiệu quả hoạt động SXKD, Công ty đã hỗ trợ các địa phương và người dân bị ảnh hưởng do hoạt động sản xuất của Công ty thông qua các hình thức: Ủng hộ bằng tiền, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vật liệu,... với tổng số tiền là: **10,5 tỷ đồng**, bao gồm các chương trình:

- Hỗ trợ địa phương xây dựng các công trình phúc lợi;
- Làm đường giao thông nông thôn;
- Ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa;
- Hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn vượt khó;
- Khám sức khỏe và phát thuốc miễn phí cho các hộ dân tại Tân đông Hiệp, Phước Vĩnh, Tân Mỹ;
- Chăm lo Tết cho người nghèo;
- Tặng quà tết và quà trung thu cho các gia đình gần địa bàn các mỏ.

Hiện nay, đang phụng dưỡng 04 mẹ Việt Nam Anh hùng.

Ngoài ra Công ty cũng hỗ trợ vật liệu xây dựng cho nhiều địa phương, tổ chức, đơn vị để làm đường giao thông và xây dựng các công trình phúc lợi.

IX. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT:

Thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017 trong điều kiện có những thuận lợi đan xen với khó khăn và thách thức (Giá nhiên liệu diễn biến phức tạp, đầu tư công giảm, thị trường bất động sản - Nơi sử dụng nhiều VLXD có những biến động) nhưng các chỉ tiêu chính: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế đều đạt và vượt kế hoạch, tăng cao so với cùng kỳ năm 2016 - Kết quả tích cực này là tiền đề để xây dựng kế hoạch năm 2018.

❖ **Đạt được kết quả trên là do:**

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- Các cơ quan ban ngành, địa phương luôn đồng hành và hỗ trợ doanh nghiệp.
- Tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCN lao động, sự năng động, linh hoạt của Ban Điều hành và bộ máy quản lý.
- Được sự hợp tác và chia sẻ của các khách hàng truyền thống, giúp cho HĐQT và Ban Điều hành có những giải pháp thích hợp, kịp thời từng thời điểm.

❖ **Một số tồn tại:**

- Một số đơn vị hoạt động hiệu quả thấp, sản phẩm khó tiêu thụ: Đá Tân Mỹ, cao lanh nguyên khai, cao lanh lọc làm ảnh hưởng đến đời sống người lao động và hiệu quả kinh doanh chung toàn Công ty.
- Các điều kiện để bảo đảm an toàn lao động đã được quan tâm thường xuyên nhưng nguy cơ mất an toàn vẫn còn, đặc biệt là các đơn vị khai thác và chế biến khoáng sản.
- Nhiệm vụ tái cấu trúc của Công ty chậm được thực hiện, bộ máy quản lý còn cồng kềnh, có những lĩnh vực hiệu quả chưa cao.
- Công tác thị trường còn hạn chế, chưa có giải pháp kịp thời xoay chuyển tình hình khi thị trường diễn biến không thuận lợi.
- Giữ vệ sinh môi trường tại một số đơn vị có những thời điểm còn bất cập, chưa thực hiện đúng theo ĐTM đã được phê duyệt và các cam kết khác về môi trường.

C. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG:

Stt	Chỉ tiêu sản xuất	Đvt	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
I	Khai thác, chế biến khoáng sản			
1	Đá xây dựng	m³		
1.1	Khai thác đá hộc	m ³	4.245.093	4.700.000
1.2	Chế biến đá	m ³	3.782.782	3.907.147
2	Cao lanh			
2.1	Khai thác cao lanh	m ³	67.781	66.200
2.2	Chế biến cao lanh	tấn		

Stt	Chỉ tiêu sản xuất	Đvt	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
	- Chế biến lọc	tấn	13.995	16.500
	- Chế biến nghiền (bột)	tấn	27.694	24.000
2.3	Cát trắng tận thu	m ³	10.490	10.000
3	Khai thác cát Dầu Tiếng	m³	48.996	-
4	Khai thác sét gạch ngói	m³	51.287	100.000
II	Sản xuất vật liệu xây dựng			
1	Gạch xây dựng các loại	viên	43.917.697	45.000.000
2	Cống bê tông	mét	55.633	55.000
III	Sản xuất Nước tinh khiết đóng chai	lít	4.189.691	4.500.000
IV	Cty TNHH KSB IDC	ha	30,83	40

II. CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:

Stt	Chỉ tiêu về giá trị và tài chính	Đvt	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
I	Khai thác, CB khoáng sản	đồng	852.397.745.432	922.300.000.000
1	Đá xây dựng	đồng	813.649.695.756	882.200.000.000
2	Cao lanh	đồng	28.150.609.113	31.100.000.000
3	Sét gạch ngói	đồng	4.502.057.363	9.000.000.000
4	Cát xây dựng	đồng	6.095.383.200	-
II	Sản xuất VLXD	đồng	83.503.563.084	80.600.000.000
1	Gạch xây dựng	đồng	37.020.420.697	43.100.000.000
2	Cống bê tông	đồng	46.483.142.387	37.500.000.000
III	Sản xuất nước , dịch vụ	đồng	6.998.595.775	9.800.000.000
IV	Bất động sản	đồng	149.795.058.508	155.600.000.000
1	Cty TNHH Công nghiệp KSB	đồng	29.795.058.508	155.600.000.000
2	Khu nhà ở Bình Đức Tiến	đồng	120.000.000.000	-
V	DT tài chính và các hoạt động KD khác	đồng	30.086.264.492	-
	Tổng doanh thu	đồng	1.122.781.227.291	1.168.300.000.000
VI	Nộp thuế	đồng	299.273.041.829	228.200.000.000
1	Thuế GTGT	đồng	73.388.828.698	50.400.000.000
2	Thuế TNDN	đồng	76.628.823.046	68.900.000.000
3	Thuế tài nguyên	đồng	52.491.428.262	47.600.000.000
4	Phí bảo vệ môi trường	đồng	10.525.111.586	12.800.000.000
5	Tiền cấp quyền KTKS	đồng	20.292.148.022	18.400.000.000
6	Tiền sử dụng đất, thuê đất	đồng	58.378.239.519	21.800.000.000
7	Các khoản thuế khác	đồng	7.568.462.696	8.300.000.000
VII	Lợi nhuận	đồng		

Stt	Chỉ tiêu về giá trị và tài chính	Đvt	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	đồng	347.238.418.155	400.000.000.000
	Thuế TNDN (20%)	đồng	69.992.264.165	80.000.000.000
	Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	đồng	37.576.260	-
2	Lợi nhuận sau thuế	đồng	277.208.577.730	320.000.000.000
VIII	Tỷ suất:			
1	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất LN trước thuế trên DT		30,93%	34,24%
	- Tỷ suất LN sau thuế trên DT		24,69%	27,39%
2	Tỷ suất LN trên vốn chủ sở hữu			
	- Tỷ suất LN trước thuế trên vốn CSH		45,79%	52,74%
	- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn CSH		36,55%	42,19%
3	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
	- Tỷ suất LN trước thuế trên tổng tài sản		24,27%	27,96%
	- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản		19,38%	22,37%

III. ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ MỞ RỘNG, PHỤC VỤ SXKD:

1. Các dự án về mỏ khoáng sản:

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để được cấp phép khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp xuống cotes -150m theo kế hoạch của Công ty.
- Xin chủ trương của UBND tỉnh về việc cho phép thăm dò, khai thác mỏ đá Tam Lập: Diện tích 16,3 ha, trữ lượng 7.624.382 m³.
- Triển khai việc tìm kiếm, thăm dò xin giấy phép cấp mỏ mới hoặc sang nhượng các mỏ khoáng sản để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại khu vực Đông Nam Bộ và các tỉnh khác, khoảng **450 tỷ đồng**.
- Tiếp tục thực hiện đền bù mở rộng các mỏ:

Stt	Đơn vị quản lý và sử dụng	Diện tích (ha)	Số tiền dự kiến (đồng)	Ghi chú
I	Xí nghiệp đá Tân Mỹ	8,6	51.390.600.000	
II	Xí nghiệp đá Phước Vĩnh	24,6	91.900.000.000	
A	Mỏ đá Phước Vĩnh	4,1	16.400.000.000	Làm sân CN, bãi thải
B	Khu đất mỏ Tam Lập	7,5	30.000.000.000	Mở mỏ mới
C	Mỏ sét Bồ Lá	13,0	45.500.000.000	Mở rộng mỏ
III	CN KT&CB Minh Long	3,0	9.000.000.000	Mở rộng mỏ
	Tổng Cộng	36,2	152.290.600.000	

2. Dự án mở rộng đất kinh doanh tại Công ty KSB IDC:

- Chuyển diện tích 2,72 ha đất cây xanh mặt trước khu công nghiệp sang đất TMDV.
- Lập quy hoạch chuyển diện tích 04 ha đất tại XN cao lanh Tân Thành đầu tư xây dựng hình thành khu dân cư.
- Lập thủ tục thu hồi, giao/cho thuê đất đã đền bù đủ điều kiện đầu tư thi công cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt (diện tích 30 ha).

Stt	Nội Dung	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng phần mở rộng GD1	65,0 ha	1.794.209.596	116.623.428.770
2	Giải tỏa đền bù mở rộng GD1	74,68 ha	3.027.190.047	194.951.039.026
3	Đầu tư CSHT và chuyển mục đích khu dân cư 4 ha.	4,0 ha	10.090.000.000	40.360.000.000
4	Đầu tư CSHT và chuyển mục đích khu TMDV	2,7 ha	16.007.778.312	43.541.157.009
5	Các khoản đầu tư khác			22.221.671.496
Tổng cộng				417.697.296.301

3. Đầu tư mở rộng, phục vụ sản xuất kinh doanh : 145.408.033.604 đồng

- Chuyển tiếp từ năm 2017 qua : 17.997.258.155 đồng
 - Đầu tư máy móc thiết bị : 28.781.104.463 đồng
 - Đầu tư xây dựng cơ bản, tài sản cố định : 35.833.678.711 đồng
 - Đầu tư phục vụ sản xuất tại các mỏ đang khai thác : 60.426.876.092 đồng
(Trong đó: Tiền cấp quyền khai thác là: 35.331.989.738 đồng)
 - Các đầu tư khác : 2.369.116.183 đồng
- ❖ **Tổng nhu cầu vốn đầu tư 2018 (1+2+3) : 1.165.395.899.905 đồng**
- ❖ **Nguồn vốn đầu tư:**
- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
 - Nguồn cho thuê 20 ha còn lại của KCN, nguồn thu từ chuyển nhượng khu TMDV.
 - Nguồn vốn vay từ ngân hàng thương mại.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Bảo đảm an toàn lao động cho người và tài sản trong tất cả các công đoạn sản xuất, nhất là đối với ngành khai thác và chế biến khoáng sản.
2. Hoàn thiện các thủ tục để được cấp phép khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp. Khẩn trương đưa các mỏ mới sang nhượng vào khai thác phát huy hiệu quả.
3. Rà soát lại các định mức kinh tế kỹ thuật, điều chỉnh kịp thời để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành tạo lợi thế cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm.

4. Ban hành, bổ sung các quy định nội bộ, cụ thể hóa các quy định pháp luật, điều lệ hoạt động của Công ty, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công nhân lao động hiểu và nhận thức lại, ký kết thỏa ước (quy trình, quy phạm sản xuất, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo hộ lao động, công cụ hỗ trợ); đảm bảo việc làm và thu nhập.
5. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường, xử lý môi trường, phục hồi môi trường, giảm tối đa các tác động đến môi trường trên tất cả các lĩnh vực SXKD. Sử dụng hiệu quả hơn quỹ đất của Công ty tại các đơn vị đầu mối.
6. Tuân thủ các quy định của pháp luật trong SXKD, thực hiện tốt các nghĩa vụ xã hội trên cơ sở hiệu quả, có trách nhiệm với cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương trên địa bàn hoạt động, tạo sự đồng thuận để ổn định SXKD.
7. Kế thừa các thị trường truyền thống hiện có, đổi mới công tác tiếp thị trên cơ sở phối hợp linh hoạt với các đơn vị đầu mối, tập trung tiêu thụ các sản phẩm có lượng tồn kho nhiều: Gạch, đá Tân Mỹ, cao lanh nguyên khai, cao lanh lọc để duy trì sản xuất ổn định.
8. Tiếp tục phương án tái cấu trúc Công ty, giảm bớt thủ tục hành chính. Tổ chức, sắp xếp lại một số đơn vị đầu mối theo phương châm tinh gọn, hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ (Thành lập đơn vị độc lập khi đủ điều kiện).
9. Chú trọng công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 thực chất và hiệu quả.

Trên đây là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Ban điều hành kính trình Đại hội Đồng Cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN TẤN ĐẠT